

Số: 42 /2013/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....6053..... Ngày: 06/ 9 / 13 Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 997/TTr-SCT ngày 12/7/2013 và Báo cáo thẩm định số 87/BC-STP ngày 17/6/2013 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Cục Xúc tiến Thương mại – Bộ Công thương;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng ngh/cứu, CBTH;
- Các Hiệp hội, Hội DN, Liên minh HTX tỉnh;
- Trung tâm Khuyến công và XTTM Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, ĐNMNntha301.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Khoa

QUY CHẾ
Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình
xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~42~~ 12/2013/QĐ-UBND
ngày ~~05~~ 19/9/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi (dưới đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (dưới đây gọi tắt là đơn vị chủ trì), các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (dưới đây gọi tắt là đơn vị thực hiện), cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi là tập hợp các Đề án xúc tiến thương mại được xây dựng theo định hướng phát triển hàng hoá phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện.
2. Đề án xúc tiến thương mại là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động xúc tiến thương mại; có mục tiêu và đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian và kinh phí xác định.

Điều 3. Mục tiêu của Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi

Chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển xuất khẩu; thị trường trong nước, thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ đã được UBND tỉnh phê duyệt, nhằm:

1. Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng lợi thế, chủ lực của tỉnh như thủy sản, tinh bột mì, sản phẩm bằng gỗ, hàng dệt may, thực phẩm chế biến, dăm gỗ, nguyên liệu giấy, polypropylene, dầu FO...và mở rộng xuất khẩu các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và nước ngoài;

2. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nội địa, củng cố và phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo; từng bước chiếm lĩnh thị trường nội địa thông qua thực hiện cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam của Bộ Chính trị;

3. Góp phần khuyến khích và nâng cao năng lực sản xuất, cạnh tranh của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh các sản phẩm lợi thế của tỉnh Quảng Ngãi;

4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại với xúc tiến đầu tư và xúc tiến du lịch.

Điều 4. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại Quảng Ngãi trực thuộc Sở Công Thương, các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại có Đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và tiêu chí quy định tại Quy chế này và được Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, nắm rõ các quy định về xúc tiến thương mại;
- d) Có kế hoạch phát triển ngành hàng cụ thể của địa phương;
- đ) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;
- e) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh không vì mục đích lợi nhuận;
- g) Có đầy đủ hồ sơ đề xuất Đề án theo đúng quy định và được Sở Công Thương thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định của Quy chế này để triển khai thực hiện Đề án và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước .

Điều 5. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình bao gồm: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) trực tiếp thực hiện nội dung các Đề án được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các Đề án xúc tiến thương mại mà doanh nghiệp tham gia.

2. Các doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Có văn bản đề nghị tham gia và Đề án gửi đến đơn vị chủ trì Đề án trong thời hạn quy định;

c) Ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, kinh doanh những hàng hóa truyền thống, đặc sản của tỉnh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Điều 6. Cơ quan quản lý Nhà nước về Chương trình

1. Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức phổ biến định hướng xuất khẩu, thị trường trong nước, thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hướng dẫn xây dựng Đề án xúc tiến thương mại theo đúng quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Quy định tiêu chí đối với các Đề án xúc tiến thương mại phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình.

d) Hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh.

đ) Thẩm định và phê duyệt các Đề án xúc tiến thương mại để tổng hợp đưa vào kế hoạch hàng năm.

e) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

g) Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh.

h) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề án (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định). Thành phần Hội đồng thẩm định, bao gồm: đại diện các phòng liên quan, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương, đại diện của Sở Tài chính, do một lãnh đạo Sở Công Thương làm Chủ tịch. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định các Đề án xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì xây dựng; tổng hợp, trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định.

3. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại là đơn vị trực tiếp tham mưu cho Sở Công Thương tổ chức thực hiện Đề án. Trung tâm có nhiệm vụ tiếp nhận, đánh giá sơ bộ các đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này; tổng hợp trình Hội đồng thẩm định. Tổ chức triển khai công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Đề án mà đơn vị đã ký kết hợp đồng thực hiện với Trung tâm; tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí Nhà nước cấp cho Chương trình theo đúng quy định; báo cáo Sở Công Thương về tiến độ thực hiện và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm theo kế hoạch.
- b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình.
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
- đ) Nguồn kinh phí từ Chương trình hỗ trợ các sản phẩm nằm trong Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

2. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương.

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.

3. Kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh do ngân sách cấp trong năm theo kế hoạch chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Điều 8. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh

Căn cứ vào Quyết định phê duyệt Đề án của Giám đốc Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại ký hợp đồng thực hiện các Đề án thuộc Chương trình đối với các đơn vị và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký; thực hiện trực tiếp các Đề án thuộc Chương trình do Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại chủ trì. Giám đốc Sở Công Thương quy định cụ thể về việc ký kết và thực hiện hợp đồng nêu trên.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại, định hướng xuất khẩu và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 70% chi phí thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các mặt hàng trọng yếu của tỉnh như: Nông sản, chế biến thủy sản, quế Trà Bồng, tỏi Lý Sơn, nước giải khát, bánh kẹo, muối Sa Huỳnh, nước mắm, may mặc..., các khoản chi phí gồm:

- Chi phí mua tư liệu;

- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Chi phí xuất bản và phát hành: Mức hỗ trợ tối đa của nội dung quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này không quá 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng)/01 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

2. Hỗ trợ 70% chi phí tuyên truyền xuất khẩu:

a) Quảng bá các mặt hàng trọng yếu, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của tỉnh ra thị trường nước ngoài.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến tỉnh Quảng Ngãi để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, Internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Quảng Ngãi theo hợp đồng trọn gói. Sản phẩm quảng bá phải được phát sóng và bài viết phải được đăng tin.

3. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài, chi phí gồm:

a) Hỗ trợ 70% chi phí hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn.

b) Hỗ trợ 100% chi phí đối với đơn vị chủ trì tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp (gồm chi phí thuê hội trường, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, thuê phương tiện đi lại cho chuyên gia).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Quy chế này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 doanh nghiệp tham gia.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại: Hỗ trợ 50% chi phí đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã; hỗ trợ 100% chi phí đối với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại:

a) Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài (gồm chi phí gian hàng, trang trí tổng thể khu vực hội chợ, gian hàng của tỉnh, tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm, công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức). Hỗ trợ cho mỗi một doanh nghiệp là 01 người theo quy định tại điểm a, khoản 5, khoản 6, khoản 8 Điều 9 Quy chế này được hỗ trợ chế độ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì cùng tham gia với đoàn để thực hiện công tác tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, cụ thể:

Đối với các đoàn có nhiều doanh nghiệp tham gia thì được hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đối với đoàn có dưới 08 doanh nghiệp được hỗ trợ 01 người;
- Đối với đoàn có từ 8 đến 15 doanh nghiệp được hỗ trợ 02 người;
- Đối với đoàn có từ 16 đến 30 doanh nghiệp được hỗ trợ 03 người;
- Đối với đoàn có từ 31 đến 50 doanh nghiệp được hỗ trợ 04 người;

- Đối với đoàn có từ 51 doanh nghiệp trở lên được hỗ trợ 05 người trong các trường hợp sau:

+ Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là 12 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và tối thiểu 12 doanh nghiệp tham gia;

+ Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 7 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và tối thiểu 7 doanh nghiệp tham gia.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại điểm a, Điều 9, Quy chế này không quá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)/01 doanh nghiệp tham gia.

b) Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại tỉnh (gồm chi phí cấu thành gian hàng, kể cả chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng và các dịch vụ như: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, khai mạc, bế mạc, hội thảo, quản lý,...), trong các trường hợp sau:

- Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là: 200 gian hàng tiêu chuẩn và 100 doanh nghiệp tham gia;

- Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu là: 150 gian hàng tiêu chuẩn và 75 doanh nghiệp tham gia.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại điểm b, Điều 9 Quy chế này không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/01 doanh nghiệp tham gia.

c) Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức các hội chợ, triển lãm nêu tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều này.

6. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài (gồm chi phí vé máy bay, chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; chi phí tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch với các đoàn giao dịch thương mại của Quảng Ngãi tại nước ngoài; công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức). Hỗ trợ cho mỗi doanh nghiệp là 01 người và chế độ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì cùng tham gia với đoàn để thực hiện công tác tổ chức.

Đối với các đoàn có nhiều doanh nghiệp tham gia thì được hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đối với đoàn có dưới 08 doanh nghiệp được hỗ trợ 01 người;

- Đối với đoàn có từ 8 đến 15 doanh nghiệp được hỗ trợ 02 người

- Đối với đoàn có từ 16 đến 30 doanh nghiệp được hỗ trợ 03 người;

- Đối với đoàn có từ 31 đến 50 doanh nghiệp được hỗ trợ 04 người;

- Đối với đoàn có từ 51 doanh nghiệp trở lên được hỗ trợ 05 người trong các trường hợp sau:

a) Đoàn đa ngành có tối thiểu 15 doanh nghiệp tham gia, tối đa không quá 05 ngành.

b) Đoàn chuyên ngành có tối thiểu 7 doanh nghiệp tham gia.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 6 Điều 9 Quy chế này không quá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)/01 doanh nghiệp tham gia.

7. Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp (thương mại kết hợp đầu tư và du lịch) nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của Quảng Ngãi ra nước ngoài, đồng thời thu hút đầu tư, khách du lịch nước ngoài đến Quảng Ngãi.

8. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến Quảng Ngãi giao dịch mua hàng: Áp dụng tại Điều 4 Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiêu tiếp khách tại tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 02/6/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

9. Hỗ trợ 100% chi phí (mỗi doanh nghiệp là 01 người) đối với các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu; gồm chi phí vé máy bay khứ hồi, ăn, ở và chi phí gian hàng (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 9, Điều 9 của Quy chế này không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/01 doanh nghiệp.

Điều 10. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp với địa bàn của tỉnh (gồm chi phí thuê mặt bằng và thiết kế; dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; chi phí quản lý; trang trí chung hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc; tổ chức hội thảo; chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu hội chợ triển lãm).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 1, Điều 10 của Quy chế này không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/01 doanh nghiệp tham gia.

2. Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, Khu kinh tế, khu đô thị, cụm công nghiệp thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo các Đề án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (gồm chi phí vận chuyển; chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng; dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; trang trí chung khu vực tổ chức bán hàng; tổ chức khai mạc, bế mạc; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 2, Điều 10 của Quy chế này không quá 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng)/01 đợt bán hàng.

3. Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại; các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm (gồm chi phí mua tài liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp; chi phí xuất bản và phát hành).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 3, Điều 10 của Quy chế này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

4. Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ trong tỉnh đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo viết, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 4, Điều 10 của Quy chế này không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)/01 chuyên đề tuyên truyền.

5. Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mãi, tuần “hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt”, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, chương trình giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

6. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước (gồm chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên hoặc học phí trọn gói của lớp học).

7. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 7, Điều 10 của Quy chế này không quá 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng)/01 cụm, điểm quy hoạch.

8. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do UBND tỉnh quyết định.

Điều 11. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí phát triển hệ thống phân phối hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo (gồm chi phí tổ chức bán hàng: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; điện, nước, an ninh, vệ sinh; chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy chế này không quá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)/01 đợt bán hàng.

2. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo (gồm chi phí viết bài và chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại khoản 2, Điều 11 của Quy chế này không quá 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 chuyên đề tuyên truyền.

3. Hỗ trợ 100% chi phí các hoạt động xúc tiến thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 12. Xây dựng Đề án xúc tiến thương mại tỉnh

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng Đề án xúc tiến thương mại tỉnh thực hiện theo biểu mẫu do Sở Công Thương quy định.

2. Các Đề án xúc tiến thương mại tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;

b) Phù hợp với định hướng xuất khẩu của tỉnh và các mặt hàng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy chế này;

đ) Đảm bảo tính khả thi về: Phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

e) Đối với các Đề án trong quá trình thực hiện kéo dài quá 02 năm tài chính, đơn vị Chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cụ thể cho từng năm.

Điều 13. Tiếp nhận, đánh giá, thẩm định và phê duyệt Đề án

1. Đơn vị Chủ trì gửi Đề án xúc tiến thương mại cho Hội đồng thẩm định trước ngày 01 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch để tổng hợp.

2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm, Hội đồng thẩm định căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định tại Quy chế này và tiêu chí lựa chọn đánh giá nội dung Đề án của đơn vị chủ trì và tổ chức thẩm định các Đề án của đơn vị chủ trì trình Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt.

Điều 14. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện Đề án đã được phê duyệt, các đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh, gửi Hội đồng thẩm định.
2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung Đề án cho phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị chủ trì, Hội đồng thẩm định trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định.
3. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ Đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung Đề án không còn phù hợp, Hội đồng thẩm định trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện Đề án.
4. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành Đề án xúc tiến thương mại của tỉnh trong năm kế hoạch, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Hội đồng thẩm định để trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định.
5. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện Đề án, Sở Công Thương thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có) để bổ sung cho các Đề án khác đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí hoặc các Đề án mới.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Công Thương

1. Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; đồng thời phải đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra.
3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.
4. Không tiếp nhận Đề án trong năm tiếp theo, nếu đơn vị Chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 17 Quy chế này.
5. Trong trường hợp đơn vị Chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 5, Điều 17 của Quy chế này sẽ bị đình chỉ tham gia Chương trình trong 3 năm kế tiếp.
7. Tại thời điểm lập dự toán hàng năm, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách và dự toán do Sở Công Thương lập; đồng thời hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh đã được phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị Chủ trì trong việc tổ chức thực hiện đạt hiệu quả đối với các Đề án xúc tiến thương mại của tỉnh nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và du lịch trong nước và nước ngoài.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị Chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các Đề án đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong Hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Đối với Đề án có nhiều đơn vị tham gia Chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của Đề án.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong Đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Khi thực hiện xong Đề án, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Hội đồng thẩm định trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc Đề án, đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Đề án phải báo cáo các nội dung liên quan.

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện Đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình:

Đơn vị tham gia thực hiện Đề án phải cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến Đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy chế này.

Điều 19. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Công Thương không xem xét các Đề án xúc tiến thương mại trong năm tiếp theo của các đơn vị chủ trì Chương trình không thực hiện công tác thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo Hợp đồng quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Khoa